

Số: /2019/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày

tháng 8 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ, miễn, giảm
đối với người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 105/BC-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định các khoản đóng góp và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh; mức đóng góp và chế độ miễn, giảm cho người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

b) Những nội dung liên quan đến nội dung, mức chi, chế độ hỗ trợ, miễn giảm cho người cai nghiện ma túy không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước để tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

b) Người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh; người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

Điều 2. Quy định các khoản đóng góp, mức đóng góp và mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh

1. Các khoản đóng góp và mức đóng góp

a) Tiền hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình: 70.000 đồng/người/năm.

b) Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

c) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất: 100.000 đồng/người/lần cai nghiện.

d) Tiền phục vụ, quản lý: 100.000 đồng/người/tháng.

đ) Tiền học văn hoá, học nghề (nếu bản thân có nhu cầu): Mức đóng học phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Mức hỗ trợ

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng sau: Thương binh; người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người thuộc hộ nghèo; người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; trẻ em mồ côi; người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền ăn hàng tháng cho người cai nghiện ma túy tự nguyện bằng định mức tiền ăn đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

c) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho người cai nghiện ma túy tự nguyện bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

d) Người cai nghiện ma túy tự nguyện được bố trí chỗ ở tại cơ sở cai nghiện ma túy trong thời gian cai nghiện.

3. Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ

Mỗi một người đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh chỉ được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều này một lần, với thời gian không quá 06 tháng.

Điều 3. Quy định các khoản đóng góp, mức đóng góp và chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng

1. Các khoản đóng góp và mức đóng góp

Người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện (*trừ trường hợp được miễn, giảm, hỗ trợ theo quy định*), gồm:

a) Chi phí khám sức khỏe, xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và theo thực tế đối với mỗi người/lần chấp hành quyết định.

b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

c) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại điểm điều trị cắt cơn: 40.000 đồng/người/ngày.

d) Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách (nếu có): 100.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

2. Chế độ miễn, giảm

a) Miễn đóng góp các khoản chi phí quy định tại Điểm a và Điểm d Khoản 1 Điều này đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ gia đình nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật.

b) Giảm 50% mức đóng góp các chi phí được quy định tại Khoản 1 Điều này đối với người nghiện ma túy thuộc hộ gia đình cận nghèo cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các khoản hỗ trợ, chế độ miễn, giảm chi phí cho các đối tượng quy định tại Nghị quyết này do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn